

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN NGÀY 30/06/2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 18



BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Văn phòng Công ty đã điều hành Văn phòng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Zhang Zheng Ming	Chủ tịch
Bà Phạm Thu Phương	Thành viên
Bà Phạm Thị Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/04/2018)
Ông Song Li Wei	Thành viên
Ông Trần Anh Thái	Thành viên

Giám đốc

Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc
----------------------	----------

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Văn phòng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc


Zhang Zheng Ming
Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Số: 330 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 28/08/2018, từ trang 04 đến trang 18, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2018, Văn phòng Công ty có một số khoản công nợ khách hàng đã quá hạn thanh toán với giá trị là 6.855.726.871 VND. Tuy nhiên Văn phòng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập cho các khoản phải thu này và các ảnh hưởng khác, nếu có, trong các báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 1 - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ: Tại thời điểm ngày 30/06/2018, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 12.707.237.641 VND, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm 4,1 tỷ VND, hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty bị thu hẹp, ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Đây là các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Theo đánh giá của Giám đốc, Văn phòng Công ty đang thực hiện triển khai các dự án mới và sẽ được hỗ trợ từ các đối tác của Văn phòng Công ty. Do đó, Văn phòng Công ty vẫn hoạt động bình thường trong thời gian tới và báo cáo tài chính giữa niên độ vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Như đã trình bày trong thuyết minh số 08, tại ngày 30/06/2018, số dư khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng của công trình Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 ghi nhận từ năm 2013 căn cứ theo các bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Văn phòng Công ty tự xác định là 223.055.962 VND đến nay chưa được nghiệm thu và xác nhận bởi các chủ đầu tư. Theo đánh giá của Giám đốc, Văn phòng Công ty vẫn đang trong quá trình thương thảo và quyết toán khối lượng phát sinh thực tế của các công trình này với chủ đầu tư. Do đó khả năng thu hồi là không chắc chắn và dựa vào kết quả đàm phán trong tương lai. Văn phòng Công ty sẽ xem xét trích lập dự phòng khoản phải thu này trong thời gian tới nếu không tiến hành nghiệm thu được với các chủ đầu tư. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất cứ khoản điều chỉnh nào có thể liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, Ngày 28 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ Chưa kiểm toán
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.679.782.151	15.153.831.004
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		396.532.106	4.515.508.836
1. Tiền	111	5	396.532.106	4.515.508.836
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.856.826.358	10.592.675.522
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.857.271.719	6.857.271.715
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.958.625	1.186.424.320
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		11.378.700	10.378.700
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	7	4.361.375.024	4.640.225.255
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.012.111.951	2.305.645.193
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.407.269.661)	(4.407.269.661)
III. Hàng tồn kho	140	10	122.135.347	25.309.218
1. Hàng tồn kho	141		122.135.347	25.309.218
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		304.288.340	20.337.428
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	156.610.167	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		144.883.829	17.543.084
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.794.344	2.794.344
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175.099.215	623.018.400
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	100.000.000
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		50.000.000	50.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	50.000.000	50.000.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	-	-
- Nguyên giá	222		525.112.545	525.112.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(525.112.545)	(525.112.545)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	69.529.614	517.214.230
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		69.529.614	517.214.230
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.569.601	5.804.170
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5.569.601	5.804.170
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.854.881.366	15.776.849.404

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ Chưa kiểm toán
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.415.252.419	5.655.345.305
I. Nợ ngắn hạn	310		5.121.252.419	5.361.345.305
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.041.270.698	3.041.270.698
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.588.007.754	1.843.894.074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		29.060.330	4.494.494
4. Phải trả người lao động	314		413.771.844	377.094.548
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	38.186.753
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	49.141.793	56.404.738
II. Nợ dài hạn	330		294.000.000	294.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	294.000.000	294.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.439.628.947	10.121.504.099
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	7.439.628.947	10.121.504.099
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12.707.237.641)	(10.025.362.489)
- Lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(10.025.362.489)	(6.062.706.233)
- Lũy kỳ này	421b		(2.681.875.152)	(3.962.656.256)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		12.854.881.366	15.776.849.404



Zhang Zheng Ming
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Trương Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến	Từ 01/01/2017 đến
			30/06/2018	30/06/2017
				Chưa soát xét
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		619.371.536	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	619.371.536	-
4. Giá vốn dịch vụ đã cấp	11	18	389.979.691	-
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		229.391.845	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		146.029	337.816
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	857.477.701	1.155.779.149
10. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25+26)}	30		(627.939.827)	(1.155.441.333)
11. Thu nhập khác	31		300.000	1.500.027
12. Chi phí khác	32	21	2.054.235.325	1.791.018.720
13. Lãi/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(2.053.935.325)	(1.789.518.693)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.681.875.152)	(2.944.960.026)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
16. Lãi/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(2.681.875.152)	(2.944.960.026)



Zhang Zheng Ming
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Trương Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 Chưa soát xét
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	(2.681.875.152)	(2.944.960.026)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(146.029)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.682.021.181)	(2.944.960.026)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.391.491.581)	(1.741.156.590)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	350.858.487	(180.011.364)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(240.092.886)	(519.077.949)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(156.375.598)	(75.689.270)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(7.415.200)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(111.802.391)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.119.122.759)	(5.580.112.790)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	146.029	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	146.029	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4.118.976.730)	(5.580.112.790)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.515.508.836	5.695.409.917
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	396.532.106	115.297.127



Zhang Zheng Ming
 Giám đốc
 Hà Nội, Ngày 28 tháng 08 năm 2018

Trương Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007; Đăng ký thay đổi mới nhất lần thứ 8 số 0102403985 ngày 22 tháng 05 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký là 20.000.000.000 VND tương ứng với 2.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần 10.000 VND.

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty tại S3, T17, toà nhà 319 Bộ Quốc Phòng, số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 9 người).

Cổ phiếu của Văn phòng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PPE.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Văn phòng Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phong điện, cơ sở hạ tầng và đường dây, trạm biến áp và xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng công trình dân dụng và kỹ thuật khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính: Tư vấn và thiết kế xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hoạt động liên tục

Tại thời điểm ngày 30/06/2018, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 12.756.766.148 VND, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm 4,1 tỷ VND, nợ phải thu quá hạn thanh toán là 6,86 tỷ VND, hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty bị thu hẹp, ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Theo đánh giá của Giám đốc, Văn phòng Công ty đang thực hiện triển khai các dự án mới và sẽ được hỗ trợ từ các đối tác của Văn phòng Công ty. Do đó, Văn phòng Công ty vẫn hoạt động bình thường trong thời gian tới và báo cáo tài chính giữa niên độ vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị thành viên trực thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Trung tâm tư vấn PVPE	Số 302 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Chế độ Kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. LUẬT KẾ TOÁN

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Văn phòng Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Văn phòng Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Văn phòng Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là khoản phải thu tương ứng với doanh thu của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ (không phải hoá đơn), không phải chờ khách hàng xác nhận do Văn phòng Công ty tự lập mà trong hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng các khoản lỗ hợp đồng. Dự phòng các khoản lỗ hợp đồng được lập dự vào đánh giá của Giám đốc về các khoản hợp đồng đã thoả thuận trừ đi chỉ ước tính để hoàn thành dự án. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho các dự án đang thực hiện. Chi phí sản xuất dở dang quá một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn.

Các khoản trả trước

Chi khoản trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước phục vụ hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Đối với công cụ, dụng cụ phân bổ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ tương ứng với thời gian không quá 3 năm đối, đối với chi phí trả trước phân bổ theo thời hạn hợp đồng.

Công ty căn cứ vào thời gian hợp đồng và thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí để phân loại vào chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn và không thực hiện phân loại lại tại thời điểm báo cáo.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Văn phòng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	Chưa kiểm toán VND
Tiền mặt	304.306	1.955.398
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	396.227.800	4.513.553.438
Cộng	396.532.106	4.515.508.836

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	Chưa kiểm toán VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.857.271.719	6.857.271.715
Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTĐL Miền Bắc	1.218.910.405	1.218.910.405
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	1.020.503.162	1.020.503.162
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	4.183.661.390	4.183.661.390
Khách hàng khác	434.196.762	434.196.758
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	5.204.164.552	5.204.164.552
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	1.020.503.162	1.020.503.162
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	4.183.661.390	4.183.661.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Chưa kiểm toán	
			Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	4.361.375.024	4.138.319.061	4.640.225.255	4.138.319.061
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	4.138.319.061	4.138.319.061	4.138.319.061
Dự án nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	223.055.963	-	223.055.963	-
Hợp đồng bãi xi Thái Bình	-	-	278.850.231	-

Ghi chú:

- (i) Phản ánh các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng của dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 ghi nhận lần lượt từ các năm 2013, 2015 căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Văn phòng Công ty tự xác định, đến nay chưa được nghiệm thu và xác nhận bởi chủ đầu tư. Theo đánh giá của Giám đốc, Văn phòng Công ty vẫn đang trong quá trình thương thảo và quyết toán khối lượng phát sinh thực tế với chủ đầu tư. Do đó khả năng thu hồi của các khoản này không chắc chắn và phải phụ thuộc vào kết quả đàm phán trong tương lai. Văn phòng Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng các khoản này nếu trong thời gian tới không được tiến hành nghiệm thu với chủ đầu tư.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Chưa kiểm toán	
			Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	5.012.111.951	268.950.600	2.305.645.193	268.950.600
Zhang Zheng Ming (i) - Bên liên quan	3.674.475.942	-	1.974.475.942	-
Bà Trương Thị Hải Yến (i)	1.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	268.950.600	268.950.600	268.950.600
Tạm ứng công nhân viên	61.567.000	-	56.877.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	7.118.409	-	5.341.651	-
b) Phải thu khác dài hạn	50.000.000	-	50.000.000	-
Ký quỹ thuê văn phòng	50.000.000	-	50.000.000	-

Ghi chú:

- (i) Khoản tạm ứng cho ông Zhang Zheng Ming, Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc và bà Trương Thị Hải Yến để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Chưa kiểm toán	
			Giá trị ghi sổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ xấu	4.407.269.661	-	4.407.269.661	-
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	-	4.138.319.061	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	-	268.950.600	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	Chưa kiểm toán VND
a) Ngắn hạn	122.135.347	25.309.218
Công trình bãi thải xỉ của nhà máy nhiệt điện Thái Bình	87.652.336	25.309.218
Tư vấn giám sát Logistics Bắc Giang	34.483.011	-
b) Dài hạn	69.529.614	517.214.230
Công trình nhiệt điện Quảng Trạch	-	447.684.616
Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình	69.529.614	69.529.614

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	Chưa kiểm toán VND
a) Ngắn hạn	156.610.167	-
Chi phí thuê văn phòng	137.529.000	-
Các khoản khác	19.081.167	-
b) Dài hạn	5.569.601	5.804.170
Các khoản khác	5.569.601	5.804.170

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Chưa kiểm toán			
Số cuối kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Chưa kiểm toán			
Số cuối kỳ	462.252.195	62.860.350	525.112.545
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu kỳ	-	-	-
Chưa kiểm toán			
Số cuối kỳ	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 525.112.545 VND (ngày 31/12/2017 525.112.545 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ Chưa kiểm toán	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.041.270.698	3.041.270.698	3.041.270.698	3.041.270.698
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt - Delta	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	556.045.763	556.045.763	556.045.763	556.045.763
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc	303.218.000	303.218.000	303.218.000	303.218.000
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - CN TCT TVXD Thủy lợi Việt Nam	340.336.868	340.336.868	340.336.868	340.336.868
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh	171.244.500	171.244.500	171.244.500	171.244.500
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ Chưa kiểm toán
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước	1.588.007.754	1.843.894.074
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.422.555.556	1.422.555.556
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	255.886.320
b) Bên liên quan	-	255.886.320
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	255.886.320

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ Chưa kiểm toán
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	49.141.793	56.404.738
Kinh phí công đoàn	5.507.738	5.416.050
Phải trả ngắn hạn khác	43.634.055	50.988.688
b) Phải trả dài hạn khác	294.000.000	294.000.000
Cổ tức từ năm 2011 phải trả cổ đông (i)	294.000.000	294.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 08/NQ-ĐHCĐ-TVĐLĐK năm 2012 về phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2011 có số dư tại ngày 30/06/2018 là 294.000.000 VND. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Văn phòng Công ty xác định khoản phải trả cổ đông này chưa phải chi trả trong 12 tháng tiếp theo nên phân loại đây là khoản phải trả dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

16. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	20.000.000.000	146.866.588	(5.414.983.650)	14.731.882.938
Lỗ trong kỳ	-	-	(3.962.656.256)	(3.962.656.256)
Điều chỉnh	-	-	(647.722.583)	(647.722.583)
Số dư đầu kỳ này	20.000.000.000	146.866.588	(10.025.362.489)	10.121.504.099
Lỗ trong kỳ	-	-	(2.681.875.152)	(2.681.875.152)
Số dư cuối kỳ này	20.000.000.000	146.866.588	(12.707.237.641)	7.439.628.947

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 22/05/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Văn phòng Công ty là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2018, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Chi tiết góp vốn của các cổ đông

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	4.980.000.000	24,90%	4.980.000.000	24,90%
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	1.919.000.000	9,60%	1.919.000.000	9,60%
Ông Zang Ping	1.431.000.000	7,16%	1.431.000.000	7,16%
Các cổ đông khác	11.670.000.000	58,35%	11.670.000.000	58,35%
Tổng cộng	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%

17. DOANH THU THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	Chưa soát xét	
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	619.371.536	-
Cộng	619.371.536	-

18. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	Chưa soát xét	
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	389.979.691	-
Cộng	389.979.691	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	583.785.354	701.020.948
Chi phí đồ dùng văn phòng	243.155.129	304.368.366
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.537.218	120.666.594
Các khoản chi phí QLDN khác	-	26.723.241
Cộng	857.477.701	1.155.779.149

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	243.155.129	-
Chi phí nhân công	883.720.701	701.020.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.864.509	56.393.423
Chi phí khác	5.543.182	398.364.778
Cộng	1.344.283.521	1.155.779.149

21. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí công trình Quảng Trạch	447.684.616	-
Chi phí lập hồ sơ đề xuất dự án (không được duyệt)	1.545.454.545	-
Phạt thực hiện hợp đồng	-	1.753.669.602
Chi phí khác	61.096.164	37.349.118
Cộng	2.054.235.325	1.791.018.720

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	Cổ đông lớn
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	Chung quản lý
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	Chung quản lý
Thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc Văn phòng Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Ngoài số dư được trình bày ở Thuyết minh số 6, 8 và 14 của phần thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Văn phòng Công ty có nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

Bán hàng

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	232.623.927	-

Thu nhập của Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	108.000.000	110.500.000

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 chưa được soát xét, số liệu tại ngày 01/01/2018 trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu chưa được kiểm toán.



Zhang Zheng Ming
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Trương Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
Người lập biểu